

TỈNH ỦY CAO BẰNG

*

Số 12-KH/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 10 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH

**tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU, ngày 17/01/2021
của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với công tác thể dục thể thao giai đoạn 2021 – 2025**

Thực hiện Chương trình công tác năm 2025, Tỉnh uỷ Cao Bằng ban hành Kế hoạch tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU, ngày 17/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thể dục thể thao giai đoạn 2021 – 2025 (sau đây gọi tắt là *Chỉ thị số 14-CT/TU*) như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm đánh giá toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ở các cấp, các ngành, địa phương; chỉ rõ những mặt đạt được, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm; đề ra nhiệm vụ, giải pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả đối với công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới.

2. Yêu cầu

Việc tổng kết Chỉ thị số 14-CT/TU được tiến hành từ cấp cơ sở, đảm bảo nghiêm túc, hiệu quả và đúng tiến độ đề ra.

II- NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN TỔNG KẾT

1. Nội dung tổng kết: Theo đề cương Báo cáo và biểu mẫu gửi kèm.

2. Hình thức, thời gian tổng kết

2.1. Hình thức tổng kết: Tổng kết bằng văn bản.

2.2. Thời gian tổng kết

2.2.1. Mốc đánh giá tổng kết

Từ khi ban hành Chỉ thị số 14-CT/TU đến hết tháng 9/2025.

2.2.2. Tiến độ thực hiện

- Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 14-CT/TU xây dựng Báo cáo kết quả thực hiện của địa phương, đơn vị và gửi về Tỉnh uỷ (qua Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh) **trước ngày 10/11/2025¹**.

- Cấp tỉnh: Hoàn thành Báo cáo tổng kết **trước ngày 30/11/2025**.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị; các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ; Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng Báo cáo tổng kết theo đúng nội dung, thời gian yêu cầu.

2. Đảng uỷ UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo của Tỉnh uỷ tổng kết thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU (theo đề cương Báo cáo và biểu mẫu gửi kèm) gửi về Tỉnh uỷ (qua Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ) bằng đường Công văn và địa chỉ email: khoagiaocb@gmail.com **trước ngày 10/11/2025**.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này ở các địa phương, đơn vị; đồng thời thẩm định Báo cáo tổng kết của Tỉnh uỷ, trình Thường trực Tỉnh uỷ xem xét, ban hành đúng thời gian quy định.

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương,
- Thường trực Tỉnh uỷ,
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ,
- Các đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ,
- Uỷ ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội,
- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch,
- LĐVP, CVTH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Bé Thanh Tịnh

¹ Thông tin liên quan, đề nghị liên hệ: Đ/c Mai Thị Khuyên, phòng Khoa giáo, Văn hóa – Văn nghệ, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ, điện thoại: 0974.367.424.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU, ngày 17/01/2021
của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với công tác thể dục thể thao giai đoạn 2021 – 2025**
(kèm theo Kế hoạch số 12-KH/TU, ngày 10/10/2025 của Tỉnh uỷ Cao Bằng)

I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Nêu khái quát tình hình, những thuận lợi, khó khăn của địa phương, đơn vị đối với công tác thể dục thể thao giai đoạn 2021 - 2025.

II- TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tình hình quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU trong cấp uỷ đảng, chính quyền trên địa bàn tỉnh.

- Những văn bản của cấp uỷ, chính quyền, ngành đã ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU.

- Công tác kiểm tra, giám sát của cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU (*số cuộc kiểm tra, giám sát, đơn vị được giám sát*).

2. Kết quả thực hiện

Đánh giá những kết quả đạt được theo các nhiệm vụ của Chỉ thị số 14-CT/TU đã nêu ra, tập trung vào những vấn đề trọng tâm (*nêu số liệu cụ thể*).

2.1. Đánh giá vai trò, trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh. Việc nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách phát triển thể dục thể thao phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương (nếu có).

2.2. Công tác tuyên truyền, quán triệt thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của tỉnh liên quan đến công tác thể dục thể thao (*nêu số liệu cụ thể; các đợt tuyên truyền, hình thức tuyên truyền...*)

2.3. Công tác xã hội hóa thể dục thể thao; các hoạt động thể thao giải trí, kinh doanh dịch vụ thể thao; tổ chức các giải thể dục thể thao quần chúng gắn với phát triển văn hóa - du lịch; các hoạt động thể thao phù hợp với địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn; việc phát triển các môn thể thao dân tộc, các trò chơi dân gian... (*nêu số liệu cụ thể*).

2.4. Đánh giá Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, Tháng hoạt động thể thao cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân giai đoạn 2020 – 2030 gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

2.5. Công tác phát triển thể thao thành tích cao giai đoạn 2021 – 2025.

2.6. Việc đầu tư cơ sở vật chất; công tác quy hoạch dành quỹ đất cho hoạt động thể dục thể thao; nâng cao chất lượng, phát triển thêm Liên đoàn thể thao, câu lạc bộ thể dục thể thao, câu lạc bộ văn hóa - thể thao; nâng cao thành tích một số môn thể thao mũi nhọn của tỉnh.

2.7. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên, trọng tài đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Tăng cường giao lưu thể thao giữa các địa phương trong nước và giao lưu biên giới...

3. Đánh giá chung

3.1. Ưu điểm

3.2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

3.2.1. Hạn chế, tồn tại

3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại

4. Bài học kinh nghiệm

III- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

1. Phương hướng

2. Nhiệm vụ và giải pháp

IV- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trung ương

2. Đối với tỉnh

Phụ lục 01
Hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện

TT	Số văn bản	Ngày tháng năm ban hành	Trích yếu văn bản
1			
2			
3			
4			
5			
...			

Phụ lục 02

Kết quả công tác thể dục thể thao giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn
từ khi ban hành Chỉ thị số 14-CT/TU đến nay

TT	Nội dung	Chỉ số năm đánh giá				
		2021	2022	2023	2024	9/2025
1	Số người tập luyện TDTT thường xuyên					
1.1	Tổng số dân trên địa bàn					
1.2	Tổng số người tập luyện TDTT thường xuyên					
1.3	Tỷ lệ % = (Tổng số người tập luyện TDTT thường xuyên/Tổng số dân trên địa bàn) x 100%					
2	Số gia đình thể thao					
2.1	Tổng số hộ trên địa bàn tỉnh					
2.2	Tổng số gia đình thể thao					
2.3	Tỷ lệ % = (Tổng số gia đình thể thao/tổng số hộ gia đình trên địa bàn) x 100%					
3	Số cộng tác viên TDTT					
3.1	Tổng số cộng tác viên TDTT thực hiện nhiệm vụ được giao					
3.2	Tỷ lệ % = (Tổng số cộng tác viên TDTT/tổng số dân trên địa bàn) x 100%					
4	Số câu lạc bộ TDTT					
4.1	Số câu lạc bộ thể thao cơ sở ở khu dân cư (<i>cấp xã, phường</i>)					
4.2	Số câu lạc bộ thể thao cơ sở ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp					
4.3	Số câu lạc bộ thể thao kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn					
5	Số công trình thể thao					
5.1	Số nhà tập luyện, nhà thi đấu thể thao					

5.1.1	Nhà tập luyện, nhà thi đấu thể thao đa năng					
5.1.2	Số nhà tập luyện, thi đấu thể thao theo môn					
5.2	Số bể bơi					
5.2.1	Số bể bơi có chiều dài 50 mét					
5.2.2	Số bể bơi có chiều dài 25 mét					
5.2.3	Các loại bể bơi khác					
5.3	Sân tập luyện, thi đấu thể thao ngoài trời					
5.3.1	Số sân vận động có khán đài					
5.3.2	Số sân vận động không có khán đài					
5.3.3	Sân bóng đá mini					
5.3.4	Sân bóng chuyền					
5.3.5	Sân bóng rổ					
5.3.6	Sân cầu lông					
5.3.7	Sân Pickleball					
5.3.8	Các loại sân tập luyện, thi đấu thể thao khác					
5.4	Tổng số công trình thể thao đang sử dụng cho hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn (<i>tổng các mục 5.1; 5.2 và 5.3</i>)					
6	Số giải thể thao tổ chức hằng năm					
6.1	Tổng số giải thể thao quần chúng do UBND cấp xã, phường quyết định tổ chức (<i>cộng dồn theo giai đoạn 5 năm</i>)					
6.2	Số giải thể thao do cơ quan, đoàn thể, đơn vị, doanh nghiệp, trường học, lực lượng vũ trang và các tổ chức khác tổ chức					
7	Kinh phí					
7.1	Ngân sách nhà nước					
7.2	Nguồn kinh phí khác					

Phụ lục 03
Thống kê kết quả các môn thể thao trọng điểm
(dành cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

TT	Nội dung	Chỉ số năm đánh giá				
		2021	2022	2023	2024	9/2025
I	Số huy chương đạt được tại giải Quốc gia (khu vực và toàn quốc)					
1	Điền kinh					
1.1	Số giải tham gia					
1.2	Tổng số VĐV tham gia giải					
1.3	Số VĐV đạt chuẩn kiện tướng, cấp I					
1.4	Số HLV trực tiếp huấn luyện đội tuyển của môn					
1.5	Huy chương Vàng					
1.6	Huy chương Bạc					
1.7	Huy chương Đồng					
2	Khiêu vũ thể thao					
2.1	Số giải tham gia					
2.2	Tổng số VĐV tham gia giải					
2.3	Số VĐV đạt chuẩn kiện tướng, cấp I					
2.4	Số HLV trực tiếp huấn luyện đội tuyển của môn					
2.5	Huy chương Vàng					
2.6	Huy chương Bạc					
2.7	Huy chương Đồng					
3	PencakSilat					
3.1	Số giải tham gia					
3.2	Tổng số VĐV tham gia giải					
3.3	Số VĐV đạt chuẩn kiện tướng, cấp I					
3.4	Số HLV trực tiếp huấn luyện đội tuyển của môn					

3.5	Huy chương Vàng					
3.6	Huy chương Bạc					
3.7	Huy chương Đồng					
4	Jujitsu					
4.1	Số giải tham gia					
4.2	Tổng số VĐV tham gia giải					
4.3	Số VĐV đạt chuẩn kiện tướng, cấp I					
4.4	Số HLV trực tiếp huấn luyện đội tuyển của môn					
4.5	Huy chương Vàng					
4.6	Huy chương Bạc					
4.7	Huy chương Đồng					
II	Số huy chương đạt được tại giải Quốc tế					
1	Điền kinh					
1.1	Tổng số lần tham gia giải quốc tế của môn					
1.2	Số VĐV, HLV được triệu tập đội tuyển quốc gia					
1.3	Huy chương Vàng					
1.4	Huy chương Bạc					
1.5	Huy chương Đồng					
2	Khiêu vũ thể thao					
2.1	Tổng số lần tham gia giải quốc tế của môn					
2.2	Số VĐV, HLV được triệu tập đội tuyển quốc gia					
2.3	Huy chương Vàng					
2.4	Huy chương Bạc					
2.5	Huy chương Đồng					
3	PencakSilat					
3.1	Tổng số lần tham gia giải quốc tế của môn					
3.2	Số VĐV, HLV được triệu tập					

	đội tuyển quốc gia						
3.3	Huy chương Vàng						
3.4	Huy chương Bạc						
3.5	Huy chương Đồng						
4	Jujitsu						
4.1	Tổng số lần tham gia giải quốc tế của môn						
4.2	Số VĐV, HLV được triệu tập đội tuyển quốc gia						
4.3	Huy chương Vàng						
4.4	Huy chương Bạc						
4.5	Huy chương Đồng						
5							
6							